

Bản án số:130/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 16/4/2026
V/v: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - THANH HOÁ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thương;
- Ông Dương Ngọc Hoàng.

Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Yên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12
- Thanh Hoá.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thanh Hoá tham gia
phiên tòa:*** Ông Phạm Thúc Tùng – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thanh
Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 27/2026/TLST-HNGĐ
ngày 29 tháng 01 năm 2026 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”
theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 01
tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Phương A, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn C, xã
Đ, tỉnh Thanh Hoá.

Nơi ở hiện nay: 2-5-3-401 Akitsu, Thành phố Narashino, tỉnh Chiba, Nhật
Bản, có đơn xin vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về việc giao nhận các văn
bản tố tụng: Bà Dương Thị Thu U, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, tỉnh
Quảng Trị (Văn bản ủy quyền ngày 30/10/2025).

- *Bị đơn:* Anh Trương Văn C, sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn C, xã Đ, tỉnh
Thanh Hoá.

Nơi ở hiện nay: 1163-13 Katsuokacho, thành phố Matsuyama, tỉnh Ahime,
Nhật Bản, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày, bản tự khai, nguyên đơn chị Lê Thị Phương A trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trương Văn C là vợ chồng hợp pháp, kết hôn trên tinh thần tự nguyện đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Thanh Hóa và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 01/2020 vào ngày 02/01/2020.

Trong thời gian đầu chung sống, vợ chồng chị có cuộc sống hòa thuận, hạnh phúc và cùng nhau xây dựng gia đình. Năm 2025, chị đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Từ đó, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, tranh cãi.

Mặc dù hai bên đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng và gia đình hai bên cũng đã can thiệp, hòa giải, nhưng mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, cả hai không còn quan tâm, chăm lo đến đời sống chung nữa. Xét thấy, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh C.

Về nuôi con chung: Trong thời kì hôn nhân, chị và anh C có 01 con chung là cháu Trương Lê Gia B, sinh ngày 17/07/2020. Chị đề nghị được tiếp tục nuôi con. Yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi cháu Gia Bảo mỗi tháng số tiền 3.000.000 đồng cho đến khi con đủ tuổi thành niên. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 05/2026.

Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai ngày 23/01/2026, bị đơn anh Trương Văn C trình bày:

Anh và chị Lê Thị Phương A là vợ chồng hợp pháp, kết hôn trên tinh thần tự nguyện đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, tỉnh Thanh Hóa và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 01/2020 vào ngày 02/01/2020.

Trong thời gian đầu chung sống, vợ chồng anh có cuộc sống hòa thuận, hạnh phúc và cùng nhau xây dựng gia đình. Năm 2024, chị Phương A đi xuất khẩu lao động tại Nhật bản. Về sau, do áp lực công việc, khoảng cách địa lý cũng như những bất đồng trong quan điểm sống, giữa anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, tranh cãi. Hiện tại anh cũng đang đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản.

Mặc dù hai bên đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng và gia đình hai bên cũng đã can thiệp, hòa giải, nhưng mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, cả hai không còn quan tâm, chăm lo đến đời sống chung nữa, nên anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Thống nhất anh và chị Phương A có 01 con chung là Trương Lê Gia B sinh ngày 17/07/2020. Hiện nay con đang ở cùng mẹ và gửi bà ngoại chăm sóc. Anh C đồng ý giao con cho chị Phương A nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi con đủ tuổi thành niên.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh đang làm việc tại Nhật Bản, điều kiện kinh tế khó khăn và do bận công việc, nên đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt anh.

Biên bản xác minh tại UBND xã Đ ngày 19/3/2026 thể hiện: Chị Lê Thị Phương A và anh Trương Văn C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã Đ, tỉnh Thanh Hoá. Chị Phương A và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 02/01/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Điện Lư, tỉnh Thanh Hoá.

Về mâu thuẫn vợ chồng, chị Phương A và anh C không đề nghị hoà giải ở cơ sở nên chính quyền địa phương không biết về mâu thuẫn của vợ chồng. Chị Phương A hiện nay đang làm ăn tại Thành phố Narashino, tỉnh Chiba, Nhật Bản. Anh C hiện đang làm ăn tại tỉnh Ehime, Nhật Bản. Hiện nay anh chị không có mặt tại địa phương. Về con chung: Trong thời gian chung sống chị Phương A và anh C có 01 con chung là cháu Trương Lê Gia B, sinh ngày 17/7/2020.

Tại Biên bản xác minh ngày 19/3/2026, bà Trương Thị Kh là mẹ đẻ anh C cho biết: Chị Lê Thị Phương A và anh Trương Văn C do tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn anh chị đi làm ăn tại Nhật Bản mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị như thế nào bà không rõ. Về con chung: anh chị có 01 con chung là cháu Trương Lê Gia B, sinh ngày 17/7/2020. Thời gian anh chị đi Nhật Bản có gửi lại cho ông bà nội chăm sóc. Ly hôn anh C có nguyện vọng giao cháu Gia B cho chị Phương Anh nuôi dưỡng thì bà nhất trí. Bà có nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông tin lại nội dung văn

bản cho anh C. Anh C có gửi bản tự khai trình bày ý kiến của anh về cho bà giao nộp lại cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thanh Hoá phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị xử cho chị Lê Thị Phương A được ly hôn anh Trương Văn C; Về con chung: Đề nghị giao cháu Trương Lê Gia B, sinh ngày 17/07/2020 cho chị Phương A trực tiếp nuôi dưỡng để đủ tuổi thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện về cấp dưỡng nuôi con chung giữa chị Phương A và anh C. Về tài sản: các đương sự không yêu cầu nên không xem xét; Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; căn cứ vào các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Lê Thị Phương A khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, bị đơn là anh Trương Văn C có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã Đ, tỉnh Thanh Hóa, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thủ tục xét xử vắng mặt: Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[4]. Về các tài liệu, chứng cứ: Nguyên đơn giao nộp gồm: Đơn khởi kiện ngày 25/10/2025; Bản tự khai; Văn bản ủy quyền; Bản phôtô Căn cước công

dân; Bản phôi Hộ chiếu. Hiện chị Phương A đang làm việc tại Thành phố Narashino, tỉnh Chiba, Nhật Bản nên ủy quyền cho bà Dương Thị Thu U giao nhận các văn bản tố tụng tại Tòa án. Tất cả các văn bản của nguyên đơn do người được ủy quyền giao nộp đều được công chứng, chứng thực tại Đại sứ quán nước CHXH chủ nghĩa Việt Nam tại Nhật Bản nên được công nhận theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 478 Bộ luật dân sự.

Bị đơn vắng mặt nhưng có gửi bản tự khai; Bản phôi hộ chiếu và các tài liệu liên quan về cho mẹ đẻ là bà Trương Thị Kh giao nộp cho Tòa án, văn bản có chứng thực đảm bảo quy định của pháp luật.

[5]. Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Chị Lê Thị Phương A và anh Trương Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình. Trong quá trình chung sống giữa chị Phương A và anh C phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, nên chị Phương A làm đơn đề nghị giải quyết ly hôn. Quá trình giải quyết ly hôn, chị Phương A đề nghị giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt, do đó Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ được. Anh C cũng đồng ý ly hôn, không có nguyện vọng hòa giải đoàn tụ. Xét thấy, hôn nhân giữa chị Phương A và anh C mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Do đó, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho chị Phương A được ly hôn anh C.

[6]. Về con chung: Chị Phương A và anh C thống nhất có 01 con chung là Trương Lê Gia B, sinh ngày 17/07/2020. Chị Phương A có nguyện vọng được nuôi con, anh C đồng ý và thống nhất cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2026.

Quá trình xác minh với bà Phạm Thị Nh là mẹ đẻ của chị Lê Thị Phương A xác nhận, anh C và chị Phương A có nguyện vọng được ly hôn với nhau, sau khi hỏi ý kiến của cháu Gia B thì cháu có nguyện vọng ở cùng với mẹ và bà ngoại. Chị Phương A đi làm ăn tại Nhật Bản, không trực tiếp chăm sóc cháu được. Vì vậy, trong thời gian chị Phương A làm việc tại Nhật Bản bà đồng ý chăm sóc nuôi dưỡng cháu Gia B, lâu nay bà vẫn chăm sóc cháu Gia B mạnh khỏe, học hành tốt và hàng tháng chị Phương A đều gửi tiền về cho bà chăm nuôi cháu, đồng thời thường xuyên gọi điện thoại về thăm hỏi, động viên, nhắc nhở cháu

Gia B. Nay bà sẽ nhận trách nhiệm tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Gia B giúp chị Phương A trong thời gian chị đi làm ăn xa. Do đó, cần giao cháu Trương Lê Gia B cho chị Phương A nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo quy định Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình và buộc anh C phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung.

[7]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[8]. Về án phí: Chị Lê Thị Phương A phải chịu án phí ly hôn. Anh Trương Văn C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 478; Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Lê Thị Phương A được ly hôn anh Trương Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Lê Gia B, sinh ngày 17/07/2020 cho chị Lê Thị Phương A nuôi dưỡng đến đủ tuổi thành niên. Anh C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000đ/ tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2026.

Anh C có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, các bên có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng và thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định của pháp luật

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Phương A phải chịu 300.000đ án phí DSST, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000799, ngày 29/01/2026, tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 12- Thanh Hoá. Anh Trương Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Phương A, anh Trương Văn C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc

ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDKV 12 – Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hoá;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Dung